TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 115/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 17 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Trương Minh T**, sinh năm 1983;

Nơi thường trú: Xóm A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E

Nơi tạm trú: 40/4/17 Đường TX40, Tổ G, Khu phố H, Phường I, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà **Đào Thị Th**, sinh năm 1986;

Nơi thường trú: phường K, thành phố M, tỉnh N;

Nơi tạm trú: 40/4/17 Đường TX40, Tổ G, Khu phố H, Phường I, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: "V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Trương Minh T và bà Đào Thị Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C,

huyện D, tỉnh E cấp ngày 23/10/2015; số: 110/2015; quyển số: 01 - 2015). Nay, ông T và bà Th yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Trương Minh T và bà Đào Thị Th có với nhau 02 (hai) người con Trương Thảo N1, sinh ngày 12/01/2016; Trương Thảo N2, sinh ngày 21/7/2017. Bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) người con đến khi thành niên. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Minh T và bà Đào Thị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Ông Trương Minh T và bà Đào Thị Th thỏa thuận: Bà Th tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh T và bà Đào Thị Th thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E cấp ngày 23/10/2015; số: 110/2015; quyển số: 01 – 2015 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 02 (hai) người con Trương Thảo N1, sinh ngày 12/01/2016; Trương Thảo N2, sinh ngày 21/7/2017. Giao 02 (hai) người con tên Nhi, Vy cho bà Đào Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà Th không yêu cầu ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông Trương Minh T và bà Đào Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trương Minh T và bà Đào Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đào Thị Th tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà Th được khấu trừ T bộ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022591 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đào Thị Th đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- UBND xã C, huyện D, tỉnh E;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim